

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
TONG HỢP PTSC THANH HÓA**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Ngà	Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

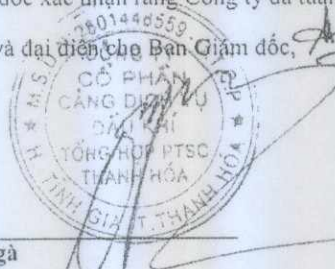
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Văn Ngà
Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Xuân Dũng

Số: 308/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2016 từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

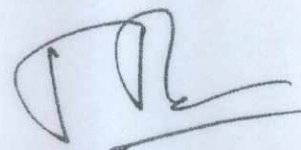
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		222.211.508.476	118.568.903.560
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	42.885.892.479	14.065.477.429
1. Tiền	111		3.896.259.432	14.065.477.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.989.633.047	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		75.000.000.000	610.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	75.000.000.000	610.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.695.735.182	93.535.661.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	86.661.183.493	74.930.970.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.168.529.295	924.330.272
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.449.642.186	19.673.512.108
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(3.583.619.792)	(1.993.151.614)
IV. Hàng tồn kho	140	9	10.293.322.445	3.339.009.008
1. Hàng tồn kho	141		10.293.322.445	3.339.009.008
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.336.558.370	7.018.755.732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	543.738.356	4.609.292.077
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.792.820.014	2.409.463.655
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		395.807.802.611	411.390.044.120
I. Tài sản cố định	220		389.981.568.706	406.950.127.993
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	389.981.568.706	406.950.127.993
- Nguyên giá	222		559.615.013.271	540.070.784.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(169.633.444.565)	(133.120.656.843)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.989.714)	(311.989.714)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.387.869.199	2.140.634.242
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.387.869.199	2.140.634.242
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.438.364.706	2.299.281.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.847.207.266	2.299.281.885
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	591.157.440	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		618.019.311.087	529.958.947.680

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

102
 NH
 CY
 UU
 TI
 AM
 100

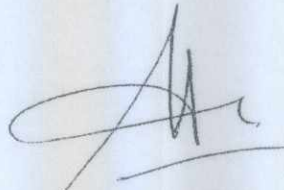
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		147.394.615.961	102.546.296.318
I. Nợ ngắn hạn	310		147.394.615.961	102.546.296.318
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	76.581.457.321	45.302.332.456
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.124.760.782	652.571.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.350.842.276	285.093.678
4. Phải trả người lao động	314		20.299.660.783	16.478.265.682
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	16.323.545.133	14.920.635.297
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		20.000.000	316.466.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	23.597.010.111	22.007.237.865
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.097.339.555	2.583.693.355
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		470.624.695.126	427.412.651.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	470.624.695.126	427.412.651.362
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.762.484.050	9.744.869.275
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.862.211.076	17.667.782.087
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		45.862.211.076	17.667.782.087
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		618.019.311.087	529.958.947.680



Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoan
 Kế toán trưởng



Lê Văn Nga
 Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2016



Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA


Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

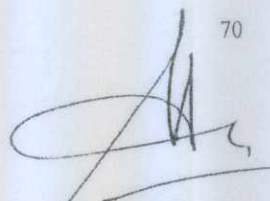
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015		2014	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		709.719.139.478		504.213.958.437	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	21	709.719.139.478		504.213.958.437	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	631.587.319.697		466.390.663.189	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		78.131.819.781		37.823.295.248	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.772.508.381		1.607.652.259	
6. Chi phí tài chính	22		1.529		448.187.510	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	31.382.410.175		21.074.863.268	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		48.521.916.458		17.907.896.729	
9. Thu nhập khác	31		98.066.072		7.682.810	
10. Chi phí khác	32		3.974.932		-	
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		94.091.140		7.682.810	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		48.616.007.598		17.915.579.539	
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	3.344.953.962		247.797.451	
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(591.157.440)		-	
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>45.862.211.076</u>		<u>17.667.782.088</u>	
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27			375	


Nguyễn Văn Mạnh
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng


Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2016



Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	MẪU SỐ B 03-DN	
		Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
		2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.616.007.598	17.915.579.539
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.334.868.922	28.531.792.839
Các khoản dự phòng	03	1.590.468.178	156.066.166
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.122.841)	(1.144.039)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.766.385.540)	(1.606.508.220)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	84.768.836.317	44.995.786.285
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	866.101.672	(62.960.966.257)
Tăng hàng tồn kho	10	(6.954.313.437)	(1.991.387.607)
Tăng các khoản phải trả	11	42.389.763.147	36.368.101.607
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	2.517.628.340	(5.521.326.085)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(346.244.827)	(879.657.141)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.958.602.312)	(4.113.177.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	120.283.168.900	5.897.372.901
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(18.845.262.231)	(44.343.870.524)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000.000)	(610.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.610.000.000	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.766.385.540	1.606.508.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(91.468.876.691)	(43.347.362.304)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	28.814.292.209	(37.449.989.403)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.065.477.429	51.514.322.793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.122.841	1.144.039
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	42.885.892.479	14.065.477.429

Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan
 Kế toán trưởng



Lê Văn Nga
 Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty PTSC").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 449 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 447 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thử tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, dịch vụ càn); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp; kinh doanh gỗ dăm, clinker và than quặng); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn; cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; khai thác xử lý và cung cấp nước; thu gom rác thải; dịch vụ phòng trọ; dịch vụ đồ uống; nhà hàng và các dịch vụ khác; buôn bán vật liệu; thực phẩm; đồ uống; bán lẻ thực phẩm lương thực; vận tải đường bộ; kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ cảng
- Kinh doanh nhiên liệu
- Dịch vụ logistics
- Dịch vụ gia công cơ khí

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường đối với các hoạt động dịch vụ cảng, kinh doanh nhiên liệu và dịch vụ logistics của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với dịch vụ gia công cơ khí, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty tương ứng với thời gian thực hiện hợp đồng gia công, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, việc phân loại này được trình bày tại Thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15

100
C
TRÁC
D
100

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	592.722.428	174.375.621
Tiền gửi ngân hàng	3.303.537.004	13.891.101.808
Các khoản tương đương tiền	38.989.633.047	-
	<u>42.885.892.479</u>	<u>14.065.477.429</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với lãi suất từ 4,7%/năm đến 4,9%/năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị ghi sổ <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị ghi sổ <u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	75.000.000.000	75.000.000.000	610.000.000	610.000.000
	<u>75.000.000.000</u>	<u>75.000.000.000</u>	<u>610.000.000</u>	<u>610.000.000</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên thứ ba	45.970.145.380	52.289.627.813
Công ty TNHH Tatsumi Việt Nam	17.898.893.780	14.370.279.446
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy - CTCP - Chi nhánh 01	-	10.517.298.082
Các khoản phải thu khách hàng khác	28.071.251.600	27.402.050.285
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 29)	40.691.038.113	22.641.342.812
	<u>86.661.183.493</u>	<u>74.930.970.625</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tình hình nợ quá hạn của Công ty như sau:

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiên Tài	927.659.546	-	(927.659.546)	927.659.546	-	(927.659.546)
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Văn Lang	878.015.100	439.007.550	(439.007.550)	878.015.100	878.015.100	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Nghi Sơn	1.703.887.581	1.022.736.496	(681.151.085)	1.274.886.076	1.274.886.076	-
Các khách hàng khác	83.151.621.266	81.615.819.655	(1.535.801.611)	71.850.409.903	70.784.917.835	(1.065.492.068)
	<u>86.661.183.493</u>	<u>83.077.563.701</u>	<u>(3.583.619.792)</u>	<u>74.930.970.625</u>	<u>72.937.819.011</u>	<u>(1.993.151.614)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu khác của khách hàng là bên thứ ba	-	3.812.866.440
Công ty TNHH SK Engineering & Construction	-	3.781.866.440
Công ty TNHH Tatsumi Việt Nam	-	31.000.000
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 29)	3.747.469.715	15.515.603.897
c. Các khoản khác	702.172.471	345.041.771
Phải thu người lao động	-	98.740.500
Khác	702.172.471	246.301.271
	<u>4.449.642.186</u>	<u>19.673.512.108</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.362.722.883	1.310.703.394
Công cụ, dụng cụ	892.741.264	971.179.816
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.037.858.298	1.057.125.798
	<u>10.293.322.445</u>	<u>3.339.009.008</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm các loại	101.772.925	27.184.534
Công cụ, dụng cụ	293.822.446	1.703.539.011
Chi phí khác	148.142.985	2.878.568.532
	<u>543.738.356</u>	<u>4.609.292.077</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	<u>3.847.207.266</u>	<u>2.299.281.885</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	481.786.875.719	46.737.109.167	1.870.162.430	7.436.208.658	2.240.428.862	540.070.784.836
Tăng trong năm	8.144.181.818	1.551.120.000	1.050.380.728	2.131.247.273	-	12.876.929.819
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.667.298.616	-	-	-	-	6.667.298.616
Tại ngày 31/12/2015	496.598.356.153	48.288.229.167	2.920.543.158	9.567.455.931	2.240.428.862	559.615.013.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	112.952.354.488	15.133.947.626	1.238.844.801	2.780.925.672	1.014.584.256	133.120.656.843
Khấu hao trong năm	30.424.778.028	4.031.398.163	596.028.545	1.301.942.374	158.640.612	36.512.787.722
Tại ngày 31/12/2015	143.377.132.516	19.165.345.789	1.834.873.346	4.082.868.046	1.173.224.868	169.633.444.565
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	353.221.223.637	29.122.883.378	1.085.669.812	5.484.587.885	1.067.203.994	389.981.568.706
Tại ngày 31/12/2014	368.834.521.231	31.603.161.541	631.317.629	4.655.282.986	1.225.844.606	406.950.127.993

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.846.865.755 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.924.798.906 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự án nâng cấp cầu cảng	-	2.105.470.000
Dự án nhà công vụ phục mở rộng Cảng Nghi Sơn	35.164.242	35.164.242
Công trình nhà son di động	853.599.059	-
Công trình Bến nổi dài bến số 2	126.378.625	-
Nâng cấp cổng Cảng	372.727.273	-
	1.387.869.199	2.140.634.242

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5%	5%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.823.148.802	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	591.157.440	-

CHI
CỐ
CH
JE
VII

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba	71.498.922.778	71.498.922.778	43.122.487.479	43.122.487.479
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	4.765.383.264	4.765.383.264	4.384.156.939	4.384.156.939
Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại VINCOMAT	15.034.963.093	15.034.963.093	664.451.399	664.451.399
Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nội F.V.S	7.616.770.215	7.616.770.215	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	44.081.806.206	44.081.806.206	38.073.879.141	38.073.879.141
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 29)	5.082.534.543	5.082.534.543	2.179.844.977	2.179.844.977
	<u>76.581.457.321</u>	<u>76.581.457.321</u>	<u>45.302.332.456</u>	<u>45.302.332.456</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày	Số phải nộp trong	Số đã nộp trong	Tại ngày
	01/01/2015	năm	năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	247.797.452	3.344.953.963	346.244.827	3.246.506.588
Thuế thu nhập cá nhân	37.296.226	861.763.559	794.724.097	104.335.688
	<u>285.093.678</u>	<u>4.206.717.522</u>	<u>1.140.968.924</u>	<u>3.350.842.276</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	101.000.000	190.900.000
Chi phí phải trả thuế đất (*)	10.000.000.000	5.000.000.000
Chi phí phải trả về các dịch vụ mua ngoài	6.222.545.133	9.729.735.297
	<u>16.323.545.133</u>	<u>14.920.635.297</u>

(*) Đây là khoản chi phí ước tính phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") về tiền thuê đất tại khu vực Vinashin mà PVN tiếp nhận từ Vinashin theo Quyết định số 926/QĐ-TTG ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ Tướng Chính phủ về việc quyết định tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Quyết định số 7090/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 về việc chuyển giao cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay hợp đồng thuê đất với PVN.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	281.200.414	229.216.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	5.535.553	-
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	21.975.710.393	20.906.619.575
Các khoản phải trả khác	1.334.563.751	871.401.490
	<u>23.597.010.111</u>	<u>22.007.237.865</u>

Khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam liên quan đến tài sản chuyển giao cho Công ty giai đoạn trước cổ phần hóa và sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính của Công ty. Khoản phải trả này không chịu lãi suất.

10-01
HÁN
G TY
NHƯ
TT
NAI
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	81.511.079.760	267.791.025.225
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>628.208.059.718</u>	<u>236.422.933.212</u>
	<u>709.719.139.478</u>	<u>504.213.958.437</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn của hàng bán	80.909.584.435	263.883.572.738
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>550.677.735.262</u>	<u>202.507.090.451</u>
	<u>631.587.319.697</u>	<u>466.390.663.189</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.746.369.113	34.562.887.828
Chi phí nhân công	94.833.575.719	56.036.058.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.334.868.922	28.531.792.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	389.024.738.305	67.187.479.097
Chi phí bằng tiền khác	21.067.415.326	37.263.735.338
	<u>589.006.967.385</u>	<u>223.581.953.719</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.766.385.540	1.606.508.220
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>6.122.841</u>	<u>1.144.039</u>
	<u>1.772.508.381</u>	<u>1.607.652.259</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí cho nhân viên	9.121.427.514	11.634.760.253
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.571.194.963	2.924.666.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.353.216.497	961.911.653
Chi phí dự phòng	1.590.468.178	156.066.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.828.080.174	2.515.730.610
Chi phí khác	<u>11.918.022.849</u>	<u>2.881.727.635</u>
	<u>31.382.410.175</u>	<u>21.074.863.268</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	48.616.007.598	17.915.579.539
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<u>11.923.123.730</u>	<u>5.288.500.000</u>
Thu nhập chịu thuế	60.539.131.328	23.204.079.539
Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi miễn thuế		22.036.931.980
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 5%	58.668.558.408	-
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thông thường 22%	<u>1.870.572.920</u>	<u>1.167.147.559</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.344.953.962	256.772.463
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	(8.975.012)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.344.953.962</u>	<u>247.797.451</u>
	2015 VND	2014 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	<u>(591.157.440)</u>	-

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	45.862.211.076	17.667.782.088
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(6.879.331.661)</u>	<u>(2.650.167.312)</u>
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.982.879.415	15.017.614.776
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>40.000.000</u>	<u>40.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>975</u>	<u>375</u>

Theo Nghị quyết số 1041/NQ-KT-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 ước tính là 15% từ lợi nhuận sau thuế trong năm. Công ty áp dụng tỉ lệ này để ước tính số quỹ khen thưởng phúc lợi cần được trích trong năm nhằm mục đích tính toán chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.885.892.479	14.065.477.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.527.205.887	92.512.590.619
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.000.000.000	610.000.000
Tổng cộng	205.413.098.366	107.188.068.048
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	77.474.979.113	67.051.826.469
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.323.545.133	14.920.635.297
Tổng cộng	93.798.524.246	81.972.461.766

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền Đô la Mỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 102.718.161 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 136.461.489 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% (năm 2014: 2%) được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% (năm 2014: 2%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà công đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015

Dưới 1 năm
VNDTiền và các khoản tương đương tiền
Phải thu khách hàng và phải thu khác
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

42.885.892.479

87.527.205.887

75.000.000.000

205.413.098.366Phải trả người bán và phải trả khác
Chi phí phải trả ngắn hạn

77.474.979.113

16.323.545.133

93.798.524.246**Chênh lệch thanh khoản thuần****111.614.574.120**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm <u>VND</u>
31/12/2014	
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.065.477.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.512.590.619
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	610.000.000
	<u>107.188.068.048</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	67.051.826.469
Chi phí phải trả ngắn hạn	14.920.635.297
	<u>81.972.461.766</u>
	<u>25.215.606.282</u>

Chênh lệch thanh khoản thuần

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐỒ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam tại Hà Nội	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ của Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí VN - PV EIC	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Bán hàng, dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	38.665.193.039	19.378.070.880
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	1.393.606.602
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	-	96.618.640
Công ty Căng Dịch vụ Dầu khí	780.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	116.791.788.815	101.331.646.589
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	14.422.299.070	9.222.328.778
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	33.122.643	2.388.818
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Ninh Bình	237.183.140	-
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	7.892.481.038	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	<u>1.542.981.856</u>	<u>1.597.545.184</u>

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Mua hàng, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	333.451.145	10.099.819.864
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	29.485.050	12.343.800
Công ty Căng Dịch vụ Dầu khí	877.812.155	877.812.156
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	1.465.046.465	900.542.543
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	124.836.364	-
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	343.636.364	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	2.999.370.766	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	2.154.583.255	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.365.798	88.551.430
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn	634.897.093	63.624.622
Công ty CP Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	10.574.569.429	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	282.231.562
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	<u>52.800.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Tiền lương và thu nhập khác	<u>2.688.682.390</u>	<u>2.868.592.241</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	190.901.645	256.115.640
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	-	66.000.000
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	858.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	9.177.642.606	3.955.099.502
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2.793.102.735	5.016.535.656
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	2.897.565.488	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>24.773.825.639</u>	<u>13.347.592.014</u>
	<u>40.691.038.113</u>	<u>22.641.342.812</u>
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	1.195.750.843	3.999.000.170
CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	1.833.309.840	-
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	138.426.755	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>579.982.277</u>	<u>11.516.603.727</u>
	<u>3.747.469.715</u>	<u>15.515.603.897</u>
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả		
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	482.796.685	965.593.370
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	2.968.349	-
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	4.493.860.634	500.039.035
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	146.600	602.587.950
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí VN - PV EIC	38.700.000	24.400.000
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	-	23.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn	64.062.275	63.624.622
	<u>5.082.534.543</u>	<u>2.179.844.977</u>
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	<u>312.192.932</u>	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>21.975.710.393</u>	<u>20.906.619.575</u>

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 8.318.311.265 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8.372.110.104 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.


 100
 NH
 IG
 NIEM
 QH
 TN
 TP.H



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC, cụ thể như sau:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Đơn vị: VND
Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Thay đổi
I. Tài sản						
1. Đầu tư ngắn hạn	121	610.000.000	1. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	123	610.000.000	Đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	74.930.970.625	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	74.930.970.625	Đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	924.330.272	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	924.330.272	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	19.574.771.608	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	19.673.512.108	Phân loại lại và đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	98.740.500				
II. Nguồn vốn						
1. Phải trả người bán	312	45.302.332.456	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	45.302.332.456	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	652.571.985	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	652.571.985	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	14.920.635.297	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14.920.635.297	Đổi tên
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	316.466.000	Phân loại lại và đổi tên
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22.323.703.865	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.007.237.865	Phân loại lại và đổi tên
6. Vốn cổ phần	411	400.000.000.000	6. Vốn góp của chủ sở hữu	411	400.000.000.000	Đổi tên
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	9.171.641.621	7. Quỹ đầu tư phát triển	418	9.744.869.275	Phân loại lại
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	573.227.654	Không có chỉ tiêu tương ứng			

Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan
 Kế toán trưởng



Lê Văn Nga
 Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2016

